

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 09/2021/DS-ST
Ngày 15-6-2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Long Giang.

Ông Tô Tiến Quân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kiều Vĩnh Phong, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vui – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2021/TLST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2021/QĐST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Z; địa chỉ: Số Y, phố X, phường W, quận V, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Trường G, sinh năm 1978; Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng U, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 15 tháng 9 năm 2020); có mặt.

- Bị đơn:

+ Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1983; nơi cư trú: ấp R, xã O, huyện P, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

+ Ông Trần Thanh T, sinh năm 1965; nơi cư trú: ấp R, xã O, huyện P, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Z trình bày:

Ngân hàng Z cho bà Nguyễn Thị Thu H vay ba khoản vay như sau:

Khoản vay thứ nhất: Căn cứ giấy đề nghị vay vốn chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn ngày 09 tháng 4 năm 2014 của bà Nguyễn Thị Thu H, Tổ tiết kiệm và vay vốn ấp R, xã O lập danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội (sau đây viết tắt là Ngân hàng) trình Ủy ban nhân dân xã O phê duyệt. Theo giấy đề nghị vay vốn chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, bà Nguyễn Thị Thu H vay số tiền là 12.000.000 đồng, mục đích vay để sửa giếng, nhà vệ sinh; thời gian vay là 60 tháng, kỳ hạn trả nợ 06 tháng một lần; lãi suất 0,8%/tháng; lãi suất nợ quá hạn 130% lãi suất khi cho vay (1,04%/tháng) và được trả định kỳ 06 tháng một lần, ngày cuối hạn khoản vay này là ngày 17 tháng 6 năm 2019. Khoản vay của bà Nguyễn Thị Thu H không bảo đảm bằng tài sản. Sau khi được Ủy ban nhân dân xã O phê duyệt, ngày 24 tháng 6 năm 2014, Phòng giao dịch U đã giải ngân cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền vay là 12.000.000 đồng theo phiếu giải ngân ngày 24 tháng 6 năm 2014 (Bút lục số 69). Quá trình thực hiện hợp đồng vay, bà H đã trả cho Ngân hàng 6.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi 3.997.342 đồng đến ngày 27 tháng 6 năm 2019. Tính đến ngày 04 tháng 01 năm 2021, bà H còn nợ Ngân hàng số tiền là 7.711.323 đồng (trong đó: nợ gốc là 6.000.000 đồng và nợ lãi là 1.711.323 đồng).

Khoản vay thứ hai: Căn cứ giấy đề nghị vay vốn chương trình Hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm ngày 04 tháng 11 năm 2016 của bà Nguyễn Thị Thu H, Tổ tiết kiệm và vay vốn R, xã O lập danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn Ngân hàng Z trình Ủy ban nhân dân xã O phê duyệt. Theo giấy đề nghị vay vốn chương trình Hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, Phiếu thẩm định tín dụng ngày 07 tháng 11 năm 2016 và sổ lưu từ rời theo dõi cho vay, thu nợ, dư nợ, bà Nguyễn Thị Thu H vay số tiền vay là 50.000.000 đồng, mục đích vay để chăm sóc cây cao su; thời gian vay là 36 tháng, kỳ hạn trả nợ gốc 06 tháng một lần; lãi suất 0,55%/tháng và được trả hàng tháng; lãi suất nợ quá hạn 0,715%/tháng. Khoản vay của bà Nguyễn Thị Thu H không bảo đảm bằng tài sản. Sau khi được Ủy ban nhân dân xã O phê duyệt, ngày 30 tháng 11 năm 2016, Phòng giao dịch Ngân hàng U đã giải ngân cho bà H số tiền 50.000.000 đồng, bà H đã thực hiện việc rút vốn với số tiền 50.000.000 đồng theo phiếu giải ngân ngày 30 tháng 11 năm 2016 (Bút lục 73). Quá trình thực hiện hợp đồng vay, bà H đã đóng lãi cho Ngân hàng đến ngày 17 tháng 12 năm 2018 với số tiền 6.278.928 đồng. Tính đến ngày 04 tháng 01 năm 2021, bà H còn nợ Ngân hàng số tiền là 57.131.782 đồng (trong đó: nợ gốc là 50.000.000 đồng và nợ lãi là 7.131.782 đồng).

Khoản vay thứ ba: Căn cứ giấy đề nghị vay vốn chương trình cho vay hộ thoát nghèo ngày 18 tháng 12 năm 2016 của bà Nguyễn Thị Thu H, Tổ tiết kiệm và vay vốn R, xã O lập danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn Ngân hàng Z trình Ủy ban nhân dân xã O phê duyệt. Theo giấy đề nghị vay vốn chương trình cho vay hộ thoát

nghèo, bà Nguyễn Thị Thu H vay số tiền là 50.000.000 đồng, mục đích vay để chăm sóc cây cao su; thời gian vay là 36 tháng, kỳ hạn trả nợ gốc 12 tháng một lần; lãi suất 0,6875%/tháng và được trả hàng tháng; lãi suất nợ quá hạn 130% lãi suất khi cho vay; hạn trả nợ cuối cùng là ngày 17 tháng 11 năm 2018; lãi tiền vay được trả định kỳ hàng tháng vào ngày 17. Sau khi được Ủy ban nhân dân xã O phê duyệt, ngày 17 tháng 01 năm 2017, Phòng giao dịch Ngân hàng U đã giải ngân đầy đủ số tiền 50.000.000 đồng, bà H đã thực hiện việc rút vốn với số tiền 50.000.000 đồng theo phiếu giải ngân ngày 17 tháng 01 năm 2017 (Bút lục số 71) và Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ (Bút lục số 14). Quá trình thực hiện hợp đồng vay, bà H đã đóng lãi cho Ngân hàng đến ngày 17 tháng 9 năm 2018 với số tiền 6.923.656 đồng. Tính đến ngày 04 tháng 01 năm 2021, bà H còn nợ Ngân hàng số tiền 61.076.465 đồng (trong đó: nợ gốc là 50.000.000 đồng và nợ lãi là 11.076.465 đồng).

Bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo cam kết. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ và làm việc trực tiếp, đôn đốc, yêu cầu trả nợ nhưng bà H không thực hiện, vi phạm nghiêm trọng các thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã phối hợp với chính quyền địa phương lập biên bản và xử lý nhiều lần nhưng bà H không phối hợp, không đồng ý trả nợ. Vì vậy, nhận thấy, bà H đã vi phạm nghĩa vụ tại các hợp đồng tín dụng nêu trên, các khoản vay đã chuyển nợ quá hạn. Nay, Ngân hàng Z khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H, ông Trần Thanh T trả tổng số tiền là 125.919.570 đồng. Trong đó: nợ gốc 106.000.000 đồng, nợ lãi 19.919.570 đồng) và tiền lãi phát sinh từ sau ngày 04 tháng 01 năm 2021 cho đến khi vụ án được đưa ra xét xử.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập lấy lời khai, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo yêu cầu cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ cho bị đơn bà H, ông T nhưng bà H, ông T không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật

Tại phiên tòa:

Ông Nguyễn Trường G là người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Z thay đổi yêu cầu khởi kiện. Ngân hàng Z chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H trả cho Ngân hàng số tiền 130.119.943 đồng. Trong đó: nợ gốc là 106.000.000 đồng và 24.119.943 đồng nợ lãi tính đến ngày 15 tháng 6 năm 2021 và tiếp tục tính lãi từ sau ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16 tháng 6 năm 2021) đến khi hoàn thành nghĩa vụ thanh toán. Ngân hàng không yêu cầu bị đơn ông Trần Thanh T trả nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H, ông Trần Thanh T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Z về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[2] Về tố tụng: Ngân hàng Z khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H và ông Trần Thanh T trả số tiền 130.119.943 đồng. Trong đó nợ gốc là 106.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 15 tháng 6 năm 2021 là 24.119.943 đồng theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 09 tháng 4 năm 2014; giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm ngày 04 tháng 11 năm 2016, Phiếu thẩm định tín dụng ngày 07 tháng 11 năm 2016, giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 18 tháng 12 năm 2016 và sổ lưu từ rời theo dõi cho vay, thu hồi nợ, dư nợ nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bà Nguyễn Thị Thu H và ông Trần Thanh T có nơi cư trú tại ấp R, xã O, huyện B, tỉnh Bình Dương (Bút lục số 45) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H và ông Trần Thanh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, có tình không đến Tòa án làm việc là chưa thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H và ông Trần Thanh T theo quy định tại các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 09 tháng 4 năm 2014, bà Nguyễn Thị Thu H vay Ngân hàng Z số tiền 12.000.000 đồng, mục đích vay để làm giếng nước, nhà vệ sinh; thời gian vay là 60 tháng; số kỳ trả gốc: 10 kỳ, định kỳ trả gốc: 06 tháng, số tiền gốc mỗi kỳ: 1.200.000 đồng, số tiền gốc cuối kỳ là 1.200.000 đồng, lãi suất vay là 0,8%/tháng,

lãi suất nợ quá hạn là 1,04%/tháng, ngày đến hạn khoản vay là 17 tháng 6 năm 2019. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H phải thanh toán cho Ngân hàng Z tính đến ngày 15 tháng 6 năm 2021 tổng số tiền là 8.035.778 đồng, trong đó nợ gốc là 6.000.000 đồng, nợ lãi 2.035.778 đồng.

Theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 04 tháng 11 năm 2016 và Phiếu thẩm định tín dụng ngày 07 tháng 11 năm 2016, bà Nguyễn Thị Thu H vay Ngân hàng Z số tiền 50.000.000 đồng, mục đích vay: chăm sóc cây cao su; thời gian vay là 36 tháng; lãi suất cho vay 0,55%/ tháng; lãi suất nợ quá hạn 0,715%/tháng; ngày đến hạn trả nợ gốc là 17 tháng 11 năm 2019; số kỳ trả gốc: 06 kỳ, định kỳ trả gốc: 06 tháng, số tiền gốc mỗi kỳ: 8.300.000 đồng, số tiền gốc cuối kỳ là 8.500.000 đồng. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H phải thanh toán cho Ngân hàng Z tính đến ngày 15 tháng 6 năm 2021 tổng số tiền là 58.684.139 đồng, trong đó nợ gốc là 50.000.000 đồng, nợ lãi là 8.684.139 đồng.

Theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 18 tháng 12 năm 2016, bà Nguyễn Thị Thu H vay Ngân hàng Z số tiền 50.000.000 đồng, mục đích vay: chăm sóc cây cao su; thời gian vay là 22 tháng; lãi suất cho vay 0,6875%/ tháng; lãi suất nợ quá hạn là 0,8938%/tháng; số tiền trả nợ: 25.000.000 đồng/lần; hạn trả nợ cuối cùng là ngày 17 tháng 11 năm 2018. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H phải thanh toán cho Ngân hàng Z tính đến ngày 15 tháng 6 năm 2021 số tiền là 63.400.026 đồng, trong đó nợ gốc là 50.000.000 đồng, nợ lãi là 13.400.026 đồng.

Tổng số tiền Ngân hàng Z yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H trả cho Ngân hàng số tiền là 130.119.943 đồng. Trong đó: nợ gốc là 106.000.000 đồng và 24.119.943 đồng nợ lãi tính đến ngày 15 tháng 6 năm 2021 và tiếp tục tính lãi từ sau ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16 tháng 6 năm 2021) đến khi hoàn thành nghĩa vụ thanh toán.

Quá trình giải quyết vụ án, bà H, ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng, được xem đã từ bỏ quyền cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh và trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng như không phản đối những tình tiết, sự kiện mà Ngân hàng Z đưa ra. Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét việc thay đổi yêu cầu của Ngân hàng Z tại phiên tòa không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do vậy, Ngân hàng Z khởi kiện yêu cầu bà H phải thanh toán số tiền còn nợ là 130.119.943 đồng. Trong đó nợ gốc là 106.000.000 đồng và nợ lãi là 24.119.943 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4] Ngân hàng yêu cầu bà H trả tiền lãi phát sinh theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 09 tháng 4 năm 2014; giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm ngày 04 tháng 11 năm 2016 và Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 18 tháng 12 năm 2016 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Xét, yêu cầu của Ngân hàng là phù hợp nội dung “...*kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay*” quy định tại Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17-10-2016 và được công bố theo quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, nên Hội đồng xét xử chấp nhận

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: bị đơn bà H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 4, Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, các Điều 147, 227, 228, Điều 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17-10-2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Z đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu H về có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Z số tiền 130.119.943 đồng (một trăm ba mươi triệu một trăm mười chín nghìn chín

trăm bốn mươi đồng. Trong đó: nợ gốc là 106.000.000 đồng (một trăm lẻ sáu triệu đồng) và nợ lãi tính đến ngày 15 tháng 6 năm 2021 là 24.119.943 đồng (hai mươi bốn triệu một trăm mười chín nghìn chín trăm bốn mươi ba đồng).

Kể từ ngày 16 tháng 6 năm 2021 đến khi thi hành án xong. Nếu bà Nguyễn Thị Thu H không thanh toán đầy đủ số tiền nêu trên cho Ngân hàng Z thì phải tiếp tục trả lãi nợ quá hạn theo mức lãi do Ngân hàng Z và bà Nguyễn Thị Thu H đã thỏa thuận trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 09 tháng 4 năm 2014; giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm ngày 04 tháng 11 năm 2016 và Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 18 tháng 12 năm 2016.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng Z không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 6.505.997 đồng (sáu triệu năm trăm lẻ năm nghìn chín trăm chín mươi bảy đồng).

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Minh Thảo